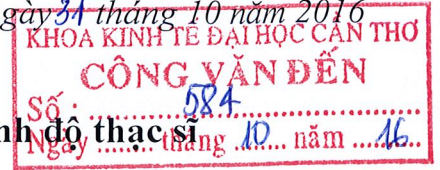


Số: 4801/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 31 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ



HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Khoản 2 Điều 11, Chương II của "Điều lệ trường đại học" ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 3619/QĐ-ĐHCT ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Biên bản số 2178/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 21 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ;

Xét đề nghị của Trưởng Khoa Sau đại học Trường Đại học Cần Thơ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, mã số: 60340410 (Đính kèm chương trình đào tạo).

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ này được áp dụng sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở ngành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Khoa Sau đại học, Trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Trưởng Khoa Kinh tế, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KSDH, PKHTH.

K.T. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Tên ngành: Quản lý kinh tế

Mã ngành: 60340410

1	Tên ngành đào tạo	Quản lý kinh tế
2	Mã ngành	60340410
3	Đơn vị quản lý	Bộ môn Kinh doanh quốc tế, Khoa Kinh tế
4	Các ngành dự thi	
4.1	Ngành đúng, phù hợp	Không
4.2	Ngành gần	-Kinh doanh (523401): Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; -Tài chính – Ngân Hàng – Bảo hiểm (523402): Tài chính Ngân Hàng – Bảo hiểm; -Kế toán – Kiểm toán (523403): Kế toán; Kiểm toán; -Quản trị - Quản lý (523404): Khoa học quản lý; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; -Kinh tế (523101): Kinh tế học; Kinh tế quốc tế; -Kinh tế nông nghiệp (52620115); -Kinh tế tài nguyên (52850102).
4.3	Ngành khác	Thí sinh tốt nghiệp đại học ở tất cả các ngành và chuyên ngành đều có thể đăng ký dự thi.
5	Mục tiêu	Mục tiêu chung Đào tạo thạc sĩ quản lý kinh tế nhằm đào tạo những nhà khoa học và quản lý kinh tế có trình độ cao về phương pháp luận kinh tế và kiến thức quản lý trong thực tiễn, có khả năng nghiên cứu, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề có ý nghĩa khoa học và hướng dẫn nghiên cứu khoa học về chuyên ngành quản lý kinh tế. Mục tiêu cụ thể <i>Về phẩm chất:</i> Đào tạo thạc sĩ kinh tế học có tư tưởng chính trị vững vàng, toàn tâm, toàn ý phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam nói chung và của ĐBSCL nói riêng. <i>Về chuyên môn:</i> - Có phương pháp luận và khả năng nghiên cứu, có khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới về quản lý kinh tế cả về lý luận và thực tiễn công việc. - Có khả năng vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu khoa học áp dụng vào thực tiễn quản lý vi mô và vĩ mô. - Có tư duy phản biện và có kiến thức lý thuyết chuyên sâu về quản lý kinh tế để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ. - Có hiểu biết về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường. - Có khả năng tham gia vào công tác giảng dạy, đào tạo, tư vấn thuộc chuyên ngành kinh tế. - Có khả năng phát hiện và dự báo, tổ chức giải quyết các vấn đề trong các lĩnh vực: kinh tế, tài chính công, quản lý dự

		án nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế ở khu vực ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung trong quá trình hội nhập vùng và quốc tế. - Có khả năng sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, viết báo cáo, và phản biện các vấn đề có liên quan đến chuyên môn được đào tạo.
6	Chuẩn đầu ra (LO)	
6.1	Kiến thức	
		LO.1 Kiến thức Hiểu các nguyên lý cơ bản và chuyên sâu về quản lý kinh tế trong lĩnh vực công, hệ thống tài khoản quốc gia, quản lý thông tin, ra quyết định chiến lược và hướng đến hội nhập kinh tế quốc tế; Có kiến thức tổng hợp về luật kinh tế, quản lý và bảo vệ môi trường. Có kiến thức và phương pháp nghiên cứu khoa học áp dụng vào thực tiễn quản lý vi mô và vĩ mô.
		LO.2 Khối kiến thức chuyên ngành Có tư duy phản biện và có kiến thức lý thuyết chuyên sâu về quản lý kinh tế để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.
6.2	Kỹ năng	
		LO.3 Kỹ năng chung - Có khả năng phân tích và đánh giá chính sách, luật pháp nhằm phục vụ cho công tác ra quyết định quản lý; - Có khả năng phát hiện và dự báo, tổ chức giải quyết các vấn đề trong các lĩnh vực: kinh tế, tài chính công, quản lý tài chính trong khu vực công (kể cả khu vực khác) và quản lý các rủi ro trong hoạt động tài chính cũng như quản trị kiểm soát trong công ty nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế ở khu vực ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung trong quá trình hội nhập vùng và quốc tế. -Có khả năng vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào thực tiễn quản lý vi mô và vĩ mô. -Có khả năng sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, viết báo cáo, và phản biện các vấn đề có liên quan đến chuyên môn được đào tạo.
		LO.4 Kỹ năng mềm Có khả năng hoạt động hiệu quả trong các nhóm chuyên sâu để hoàn thành một mục đích chung. Có khả năng xác định, xây dựng và giải quyết vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Có kỹ năng giao tiếp, phản biện, tự nghiên cứu và kỹ năng tự duy kinh tế độc lập.
6.3	Ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn	<i>Học viên tự học đạt chứng nhận B1 (bậc 3/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II, Thông tư 15 ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).</i>
6.4	Thái độ; Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		L.O.5 Có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; khả năng làm việc nhóm; khả năng tự học và làm việc độc lập.

	LO.6	Có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn ngành đào tạo, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, lập luận.
	LO.7	Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch, có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn.
	LO.8	Có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.
	LO.9	Có ý thức về pháp luật, đạo đức, giữ gìn sức khỏe và bảo vệ quốc phòng.
	LO.10	Nhận thức được sự cần thiết của việc học suốt đời.
	LO.11	Năng lực tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, tư vấn trong cả khu vực công (Cơ quan Bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương) và khu vực khác (tổ chức phi chính phủ, viện nghiên cứu, công ty tài chính, bảo hiểm, công ty đa quốc gia, các tổ chức phục vụ vì lợi ích cộng đồng, các quỹ đầu tư tài chính).
7	Cấu trúc chương trình đào tạo	Chương trình gồm 60 tín chỉ, được cấu trúc thành 3 phần: -Phần 1: Kiến thức chung bao gồm 6 tín chỉ bắt buộc -Phần 2: Kiến thức cơ sở ngành bao gồm 18 tín chỉ (12 bắt buộc, 6 tự chọn) -Phần 3: Kiến thức chuyên ngành bao gồm 26 tín chỉ, trong đó (18 bắt buộc, 8 tự chọn) -Phần 4: Luận văn tốt nghiệp 10 tín chỉ bắt buộc
8	Học phân bổ sung kiến thức cho các ngành gần	Ngành gần: 10 tín chỉ - Số học phần: 04; tổng tín chỉ: 10. - Tên các học phần (<i>tên, mã số HP, số tín chỉ</i>) 1) KT210, Tâm lý quản lý (2TC) 2) KT303, Kinh tế quốc tế (3TC) 3) KT307, Kinh tế đối ngoại (3TC) 4) KT284, Kinh tế học quản lý (2TC) Ngành khác: 14 tín chỉ - Số học phần: 05; tổng tín chỉ: 14. - Tên các học phần (<i>tên, mã số HP, số tín chỉ</i>) 1) KT284, Kinh tế học quản lý (2TC) 2) KT106, Nguyên lý kế toán (3TC) 3) KT103, Quản trị học (3TC) 4) KT303, Kinh tế quốc tế (3TC) 5) KL369, Tài chính – tiền tệ (3TC)

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung									
1	ML606	Triết học	4	x		60			I,II
2	KT724	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý	2	x		30			I,II
3		Ngoại ngữ	<i>Học viên tự học đạt chứng nhận B1 (bậc 3/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II, Thông tư 15 ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).</i>						
Phần kiến thức cơ sở									
4	KT723	Khoa học quản lý kinh tế	3	x		45			I,II
5	KL602	Luật kinh tế	3	x		45			I,II
6	KT729	Kinh tế học thể chế	3	x		45			I,II
7	KT727	Dự báo kinh tế và kinh doanh	3	x		45			I,II
8	KT725	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2		x	30			I,II
9	KT604	Kinh tế lượng	3		x	45			I, II
10	KT730	Hệ thống tài khoản quốc gia	2		x	30			I,II
11	KT614	Tài chính công	2		x	30			I, II
12	KT726	Chính sách công	2		x	30			I,II
13	KT627	Hành vi tổ chức	3		x	45			I,II
<i>Cộng: 18TC (Bắt buộc: 12TC; Tự chọn: 06TC)</i>									
Phần kiến thức chuyên ngành									
14	KT731	Chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế	3	x		45			I,II
15	KT732	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	x		30			I,II
16	KT733	Phân tích kinh tế hành vi xã hội	3	x		45			I,II
17	KT734	Quản lý hệ thống thông tin	2	x		30			I, II
18	KT735	Thẩm định dự án đầu tư	2	x		30			I,II
19	KT737	Phát triển kinh tế vùng và địa phương	3	x		45			I,II
20	KT728	Quản lý và lãnh đạo trong khu vực công	3	x		45			I,II
21	KT738	Kế toán quản trị cho khu vực công	3		x	45			I,II
22	KT606	Kinh tế nông nghiệp	3		x	45			I, II
23	KT739	Quản trị sự thay đổi	2		x	30			I,II
24	KT740	Kiểm soát quản trị công ty	2		x	30			I,II
25	KT741	Kinh tế công nghiệp	3		x	45			I, II
26	KTH615	Marketing địa phương	2		x	30			I, II
27	KT607	Kinh tế tài nguyên môi trường	3		x	45			I, II
28	KT742	Quản lý đô thị	2		x	30			I, II
29	KT615	Tài chính phát triển	3		x	45			I, II
30	KT759	Chuyên đề ngành (seminar)	2		x	30			I, II
<i>Cộng: 26TC (Bắt buộc: 18TC; Tự chọn: 08TC)</i>									
Luận văn tốt nghiệp									
31	KT900	Luận văn tốt nghiệp	10	x					
		Tổng cộng	60	46	14				

Cần Thơ ngày 28 tháng 10 năm 2016

KT. HIỆU TRƯỞNG A

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

